TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Thành
Bà Nguyễn Thị Hường

***Thư ký phiên toà*:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Khu 7, xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Xóm T1, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Hiện nay anh Q vắng mặt tại địa phương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Thị T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Q trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 09/12/1999, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện T). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2005 anh Q không tu chí làm ăn, hay chơi cờ bạc, phá tán tài sản dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay, kể từ thời điểm ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Vì vậy, chị T2 đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho chị xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Thị M, sinh ngày 02/9/2000 và Phạm Văn H, sinh ngày 17/01/2006. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh Q đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 11 năm 2017 của bà Lê Thị N, sinh năm 1947 là mẹ đẻ của anh Q, bà N cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T2 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Trong cuộc sống vợ chồng không đầm ấm, hạnh phúc, gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Năm 2013, anh Q đi khỏi địa phương, anh Q vẫn liên lạc với gia đình nhưng không thông báo cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Việc chị T2 xin ly hôn anh Q là do anh, chị tự quyết định, bà N không có ý kiến gì.

Về con chung: Bà N xác nhận vợ chồng chị T2, anh Q có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Thị M và Phạm Văn H. Khi anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T2, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, công nợ của vợ chồng chị T2 anh Q:

Trong quá trình chung sống, anh Q, chị T2 có một số tài sản chung; về công nợ chung thì bà N không biết rõ. Vì vậy, đề nghị Tòa án không giải quyết về tài sản, công nợ của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn vắng mặt nên không thể chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T2 và anh Q kết hôn với nhau năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T2 và anh Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T2. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Phạm Văn H, sinh ngày 17/01/2006 và cháu Phạm Thị M, sinh ngày 02/9/2000 cho chị T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị T2

không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Hoàng Thị T2 có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Phạm Văn Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác định Bị đơn cố ý che dấu địa chỉ. Mặt khác, ngày 14/11/2017, Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Q vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân thích của anh Q. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 09/12/1999, chị Hoàng Thị T2 và anh Phạm Văn Q đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Phú Thọ *(nay là huyện T)*. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên thường xuyên cãi nhau. Anh Q và chị T2 đã được gia đình, khu dân cư khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng anh, chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay, hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T2 đối với anh Q là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh Q chị T2 có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Thị M, sinh ngày 02/9/2000 và Phạm Văn H, sinh ngày 17/01/2006. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H và cháu M đều có nguyện vọng xin được ở với chị T2. Bên cạnh đó, hiện nay anh Q không có mặt tại địa phương, đồng thời gia đình anh Q có đề nghị xin giao các cháu cho chị T2 chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của chị T2 là phù hợp.

Khi chị T2, anh Q có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị T2 không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T2 là phù hợp. Khi chị T2, anh Q có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác.

[5] *Về án phí:* Chị T2 là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Chị Hoàng Thị T2 và anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56,57,58,81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Hoàng Thị T2 được ly hôn anh Phạm Văn Q.

[2] *Về con chung:* Giao cháu Phạm Thị M, sinh ngày 02/9/2000 và cháu Phạm Văn H, sinh ngày 17/01/2006 cho chị T2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên và lao động tự túc được; Chị T2 tự nguyện không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hựng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi chị T2, anh Q có yêu cầu thay đổi người người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi chị T2 và anh Q có yêu cầu giải quyết về các quan hệ nêu trên. Anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc khác.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Hoàng Thị T2 phải chịu 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận chị T2 đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0000725 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nay được chuyển thành án phí.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bán án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

(Đã ký)

Phạm Tuấn Anh